

Số: 40/SG.20

Tp Sa Đéc, ngày 14 tháng 04 năm 2020

## **THÔNG BÁO LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN**

### **Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty CP XNK Sa Giang**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, Luật chứng khoán bổ sung số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/TT-BTC ngày 06/6/2017 của Chính phủ và Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần XNK Sa Giang;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản được lập ngày 14/04/2020 về việc thông qua nội dung Tổ chức Đại hội cổ đông (theo thể thức lấy ý kiến bằng văn bản).

### **I. THÔNG TIN CÔNG TY**

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XNK SA GIANG
2. Địa chỉ: Lô CII-3, Khu công nghiệp C, Tp Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp
3. Điện thoại: (0277) 3764.409 Fax: (0277) 3763.152
4. Giấy Chứng nhận ĐKDN số: 1400469817 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 02/07/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 30/11/2018.

### **II. MỤC ĐÍCH VÀ NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN**

1. Mục đích lấy ý kiến: Thông qua quyết định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo thể thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nội dung lấy ý kiến:

- Nội dung 1: Thông qua Danh mục các ngành nghề kinh doanh bổ sung của Công ty và bổ sung khoản 1 Điều 4 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty nội dung tương ứng. Giao cho HĐQT, Ban giám đốc Công ty hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật.

- Nội dung 2: Thông qua tờ trình v/v đầu tư Nhà máy chế biến thực phẩm công suất 6.000 tấn/năm.

(Các tài liệu giải trình cho các vấn đề lấy ý kiến và Dự thảo Nghị quyết Đại hội cổ đông được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty CP XNK Sa Giang, Quý cổ đông có thể tải về theo đường links: <http://www.sagiang.com.vn>, mục Thông tin cổ đông).



### III. THỜI HẠN VÀ CÁCH THỨC GỬI PHIẾU LẤY Ý KIẾN

Quý cổ đông vui lòng gửi Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản (gửi kèm Thông báo này) đến Công ty trước 16h ngày 04/05/2020. Sau thời hạn này, nếu Quý cổ đông không gửi Phiếu lấy ý kiến thì sẽ được coi là Quý Cổ đông không có ý kiến với các vấn đề lấy ý kiến.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty theo một trong các hình thức sau:

- Gửi theo đường bưu điện về: Công ty cổ phần XNK Sa Giang - Phòng Tổ chức Hành chính, Lô CII-3, khu công nghiệp C, Tp Sa đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Gửi bản scan về email: [nvsang@sagiang.com.vn](mailto:nvsang@sagiang.com.vn)

Hội đồng quản trị trân trọng thông báo đến Quý Cổ đông biết và thực hiện.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



LÊ ĐÌNH BỬU TRÍ



Số: ...../PLYK-ĐHSG.20

Tp Sa Đéc, ngày 14 tháng 04 năm 2020

## **PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN**

### **I. THÔNG TIN CÔNG TY**

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XNK SA GIANG
2. Địa chỉ: Lô CII-3, Khu công nghiệp C, Tp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
3. Điện thoại: (0277) 3764409 Fax: (0277) 3763152
4. Giấy Chứng nhận ĐKDN số: 1400469817 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 02/07/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 30/11/2018.

### **II. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG**

1. Họ và tên cổ đông: .....
2. Số CMND/ Số Passport/ Số Giấy CNĐKKD: .....
3. Địa chỉ: .....
4. Số lượng cổ phần sở hữu đến ngày 27/03/2020: ..... CP
5. Số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu: ..... phiếu

### **III. MỤC ĐÍCH VÀ NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN**

1. Mục đích lấy ý kiến: Thông qua quyết định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo thể thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nội dung lấy ý kiến:

- Nội dung 1: Thông qua Danh mục các ngành nghề kinh doanh bổ sung của Công ty và bổ sung khoản 1 Điều 4 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty nội dung tương ứng. Giao cho HĐQT, Ban giám đốc Công ty hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật.

- Nội dung 2: Thông qua tờ trình v/v đầu tư Nhà máy chế biến thực phẩm công suất 6.000 tấn/năm.

(Các tài liệu giải trình cho các vấn đề lấy ý kiến và Dự thảo Nghị quyết Đại hội cổ đông được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty CP XNK Sa Giang, Quý cổ đông có thể tải về theo đường links: <http://www.sagiang.com.vn>, mục Thông tin cổ đông).

### **IV. Ý KIẾN BIỂU QUYẾT CỦA CỔ ĐÔNG**

Cổ đông lựa chọn và đánh dấu (X) vào một trong ba ô:

- |               |                          |                          |                          |
|---------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| - Nội dung 1: | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|               | Đồng ý                   | Không đồng ý             | Không có ý kiến          |
| - Nội dung 2: | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
|               | Đồng ý                   | Không đồng ý             | Không có ý kiến          |



## V. THỜI HẠN VÀ CÁCH THỨC GỬI PHIẾU LẤY Ý KIẾN

Quý cổ đông vui lòng gửi Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản đến Công ty trước 16h ngày 04/05/2020 theo một trong các hình thức sau:

- Gửi theo đường bưu điện về: Công ty cổ phần XNK Sa Giang - Phòng Tổ chức Hành chính, Lô CII-3, khu công nghiệp C, Tp Sa đéc, tỉnh Đồng Tháp.
- Gửi bản scan về email: [nvsang@sagiang.com.vn](mailto:nvsang@sagiang.com.vn)

**CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN  
THEO PHÁP LUẬT**

**CHỮ KÝ CỔ ĐÔNG**  
(Ký tên, ghi họ tên;  
đồng dấu nếu là pháp nhân)



**LÊ ĐÌNH BỬU TRÍ**

*Handwritten signature*

**NGUYỄN VĂN KIỂM**

.....



**CTY CỔ PHẦN XNK SA GIANG**  
*SA GIANG IM-EX CORPORATION*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
*SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
*Independence – Freedom – Happiness*

Số: ...../PLYK-ĐHSG.20  
No.:...../PLYK-ĐHSG.20

*Tp Sa đéc, ngày 14 tháng 04 năm 2020*  
*Sa Dec city, 14th April 2020*

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN**  
**SHAREHOLDER'S WRITTEN OPINIONS COLLECTING FORM**

**I. THÔNG TIN CÔNG TY/ COMPANY INFORMATION**

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XNK SA GIANG/Company's name: SA GIANG IMPORT EXPORT CORPORATION.
2. Địa chỉ: Lô CII-3, khu công nghiệp C, Tp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp/ Address: CII- 3 Block, Industrial zone C, Sa Dec City, Dong Thap province.
3. Điện thoại : (0277) 3763454 Fax: (0277) 3763152/ Tel: (0277) 3763454 Fax: (0277) 3763152
4. Giấy Chứng nhận ĐKDN số: 1400469817 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 02/07/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 30/11/2018. /Business registration certificate no.: 1400469818 issued by the Department of Planning and Investment of Dong Thap province for the first time on 2nd July 2004 and registered the 11<sup>th</sup> change on 30th November 2018.

**II. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG/ SHAREHOLDER'S INFORMATION**

1. Họ và tên cổ đông: /Full name of shareholder : .....
2. Số CMND/ Số Passport/ Số Giấy CNĐKKD: /Identity card no./ Passport no./Business registration certificate no.: .....
3. Địa chỉ: /Address: .....
4. Số lượng cổ phần sở hữu đến ngày 27/03/2020: ..... CP/The number of owned shares by 27th March 2020: .....shares
5. Số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu: /Number of votes corresponding to the number of owned shares: .....



### III. MỤC ĐÍCH VÀ NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN/ *PURPOSE AND CONTENT*

1. Mục đích lấy ý kiến: Thông qua quyết định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo thể thức lấy ý kiến bằng văn bản./ *Purpose: To pass decisions under the authority of the General meeting of Shareholders by written opinions collecting form.*

2. Nội dung lấy ý kiến: / *Contents*

- Nội dung 1: Thông qua Danh mục các ngành nghề kinh doanh bổ sung của Công ty và bổ sung khoản 1 Điều 4 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty nội dung tương ứng. Giao cho HĐQT, Ban giám đốc Công ty hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật./ *1st content: Approve the list of additional business lines and add Clause 1 Article 4 of the Operation and Organization Regulation with correlative content. Assign The Chairman, the Director Board to register business procedure according to the law.*

- Nội dung 2: Thông qua tờ trình v/v đầu tư Nhà máy chế biến thực phẩm công suất 6.000 tấn/năm./ *2nd content: Approve the report of investment a food processing factory with a capacity of 6,000 tons per year.*

(Các tài liệu giải trình cho các vấn đề lấy ý kiến và Dự thảo Nghị quyết Đại hội cổ đông được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty CP XNK Sa Giang, Quý cổ đông có thể tải về theo đường links: <http://www.sagiang.com.vn>, mục Thông tin cổ đông)./ *Explanatory documents for consultation issues and Draft Resolution of Shareholders Meeting are posted on the website of Sa Giang Import and Export Corporation, shareholders can download the following link: <http://www.sagiang.com.vn>, Shareholder Information).*

### IV. Ý KIẾN BIỂU QUYẾT CỦA CỔ ĐÔNG/ *VOTING OPINIONS OF SHAREHOLDERS*

Cổ đông lựa chọn và đánh dấu (X) vào một trong ba ô: / *Shareholder selects and sticks (X) into one of sections:*

- Nội dung 1/ *1<sup>st</sup> content*

Đồng ý  
*Agree*

Không đồng ý  
*Disagree*

Không có ý kiến  
*No idea.*

- Nội dung 2: / *2<sup>nd</sup> content*

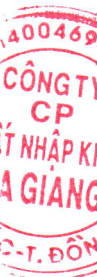
Đồng ý  
*Agree*

Không đồng ý  
*Disagree*

Không có ý kiến  
*No idea*

### V. THỜI HẠN VÀ CÁCH THỨC GỬI PHIẾU LẤY Ý KIẾN / *DEADLINE AND THE WAY TO SEND COLLECTING FORM*

Quý cổ đông vui lòng gửi Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản đến Công ty trước 16h ngày 04/05/2020 theo một trong các hình thức sau: / *Please send this collecting form latest 16h on May 4, 2020 by one of following ways:*





**CÔNG TY CP XNK SA GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/2020/TTr.HĐQT

Tp Sa Đéc, ngày 14 tháng 04 năm 2020

## **TỜ TRÌNH**

*Về việc thông qua bổ sung ngành, nghề kinh doanh*

**Kính gửi: Quý Cổ đông**

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông (theo thể thức lấy ý kiến bằng văn bản) thông qua việc bổ sung các ngành nghề kinh doanh như sau:

**1. Danh mục ngành nghề kinh doanh bổ sung:**

1.1 Xây xát và sản xuất bột thô (Chi tiết sản xuất bột thô, sản xuất gạo mầm)

1.2 Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (chi tiết bán buôn gạo, gạo mầm)

Lý do bổ sung: bổ sung sản phẩm gạo mầm

**2. Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung các ngành nghề kinh doanh trên vào Khoản 1 Điều 4 Điều lệ Công ty.**

**3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Tổng giám đốc hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật.**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**LÊ ĐÌNH BỬU TRÍ**



Số: 02/2020/TTr.HĐQT

Tp Sa Đéc, ngày 14 tháng 04 năm 2020

## **TỜ TRÌNH**

**Về việc đầu tư Nhà máy chế biến thực phẩm công suất 6.000 tấn/năm**

**Kính gửi: Quý Cổ đông**

### **I. Những căn cứ lập dự án:**

Hiện nay, sản lượng tiêu thụ bánh phồng tôm trên thị trường đã bão hòa, nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường của dòng sản phẩm từ gạo (Bún, Phở) và để thực hiện Chiến lược kinh doanh giai đoạn 2019 – 2023.

Xét tính khả thi của dự án, góp phần cho sự phát triển tăng quy mô hoạt động về doanh thu và lợi nhuận cho công ty, đem lại lợi ích cho cổ đông, tạo việc làm cho lao động tại địa phương.

Xưởng thực phẩm hiện tại công suất 1.800 tấn/năm không đủ năng lực cung cấp cho thị trường (xưởng chuyên sản xuất sản phẩm từ gạo) đây là sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu của con người, xu hướng của xã hội hiện nay là dùng các sản phẩm từ gạo ít dầu mỡ, thay thế mì trước đây.

Trước tình hình dịch Covid 19 lan rộng rất nhiều nước trên thế giới, một số nước Khối Châu Âu đã đóng cửa, nhà hàng quán ăn ngưng hoạt động v.v... có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của công ty, hiện nay 18/3/2020 có nhiều khách hàng tạm ngưng đặt hàng (Bánh phồng tôm), sản phẩm từ gạo ít chịu ảnh hưởng hơn vì là sản phẩm thiết yếu có thể dự trữ được, hiện tại ngay trong mùa dịch khách hàng đã đặt các sản phẩm từ gạo có xu hướng tăng lên.

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông (theo thể thức lấy ý kiến bằng văn bản) thông qua chủ trương thực hiện mua nhà máy để mở rộng sản xuất các sản phẩm từ gạo.

### **II. Nội dung chính của dự án:**

- Tổng công suất nhà máy 6.000 tấn/năm
- Mặt hàng sản xuất: sản phẩm từ gạo (Phở, Bún, ...)
- Hình thức đầu tư: Đầu tư mở rộng sản xuất
- Tổng vốn đầu tư: 47,41 tỷ. Cụ thể:

Stt	Nguồn vốn đầu tư	Đvt	Giai đoạn 1 (năm 2021-2023)	Giai đoạn 2 (năm 2023-2031)
1	Vốn Công ty	Tỷ đồng	25,01	14,3
2	Vốn vay ngân hàng	Tỷ đồng	8,09	-
Tổng cộng			33,10	14,3

### III. Hiệu quả của dự án:

- Sản lượng và doanh thu dự kiến:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031
1	Sản lượng	Tấn	1.000	1.500	2.000	2.500	3.000	3.500	4.000	4.500	5.000	5.500	6.000
2	Doanh thu	Tỷ đồng	37,6	56,4	75,2	96,9	116,3	135,7	155,1	174,5	193,9	213,3	232,7
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,08	7,16	10,23	10,92	13,71	16,85	19,99	21,39	24,34	27,29	30,24

- Hiệu quả của dự án:

+ Hệ số chiết khấu: 12%

+ NPV (r=12%, n=32): 111,234 triệu đồng

+ IRR = 28.58 %

+ Thời gian hoàn vốn có chiết khấu tính từ năm 2021: 5 năm 5 tháng 19 ngày

\* *Đính kèm phụ lục 1: Hiệu quả kinh doanh dự án*

### IV. Các giai đoạn đầu tư và quy mô của dự án:

#### 1. Đầu tư giai đoạn 1 (2021-2023): Công suất 2.000 tấn/năm

- Mua nhà máy của Công ty CP CNSH Tân Việt Đồng Tháp. Địa chỉ: Lô IV-7 Khu A1 Khu Công Nghiệp Sa Đéc, phường An Hòa, thành phố Sa Đéc

- Diện tích đất thuê 26.709 m<sup>2</sup>, tổng diện tích xây dựng 12.842,3 m<sup>2</sup>

- Giá đất thuê tại Khu Công Nghiệp Sa Đéc 0,35USD/m<sup>2</sup> từ 2019, 5 năm tăng một lần tương ứng phần tăng của UBND tỉnh, hợp đồng thuê đất Công ty ký chuyển nhượng với Công ty HIDICO trả tiền thuê hàng năm.

- Thuận lợi:

+ Nhà máy Tân Việt cách Công ty khoảng 600 m, cách Xí Nghiệp Sa Giang 2 khoảng 200m rất thuận lợi cho công tác quản lý sản xuất của ban điều hành, các phòng ban, và thuận lợi cho việc điều động công nhân giữa các xưởng sản xuất.

+ Thời gian còn lại của dự án là 32 năm

+ Nguồn nguyên liệu (bột, gạo) sẵn có tại địa phương

+ Hạ tầng cơ sở cơ bản hoàn thiện, cải tạo 4 tháng sau khi mua là có thể đưa nhà máy vào sản xuất.

+ Được sự ủng hộ của các cấp chính quyền địa phương và các ngân hàng thương mại.

- Căn cứ bảng chào giá bán nhà xưởng, máy móc thiết bị của Công ty CP CNSH Tân Việt Đồng Tháp, công ty sẽ thuê thẩm định giá trước khi quyết định mua tài sản, đồng thời chuyển nhượng hợp đồng thuê đất, hoàn thành đầy đủ các thủ tục đầu tư theo qui định.

- Tổng chi phí đầu tư giai đoạn 1 là: 33,1 tỷ đồng. Trong đó:

+ Chi phí mua nhà xưởng máy móc thiết bị của Công ty CP CNSH Tân Việt Đồng Tháp: 17 tỷ đồng. (Nguồn vốn: Vốn công ty, vay ngân hàng)

+ Chi phí đầu tư thêm máy móc thiết bị: 16,1 tỷ đồng. (Nguồn vốn: Vay ngân hàng, sử dụng quỹ đầu tư phát triển, thuê mua tài chính)

\* *Đính kèm phụ lục 2: Danh mục nhà xưởng, máy móc thiết bị giai đoạn 1*

## 2. Giai đoạn 2 (2023- 2031): Nâng công suất lên 6.000 tấn/ năm

- Đề nâng công suất đạt 6.000 tấn/ năm, Công ty cần đầu tư thêm máy móc thiết bị
- Chi phí đầu tư máy móc thiết bị: 14,3 tỷ đồng  
(Nguồn vốn: Sử dụng vốn khấu hao, thuê mua tài chính)

\* Đính kèm phụ lục 3: Danh mục máy móc thiết bị giai đoạn 2

### V. Kết luận:

- Dự án có tính khả thi, góp phần cho sự phát triển tăng qui mô hoạt động về doanh thu và lợi nhuận cho công ty, đem lại lợi ích cho cổ đông, tạo việc làm cho trên 300 lao động tại địa phương do đó dự án rất cần thiết phải đầu tư
- Thời gian đầu tư dự kiến: Quý 2/2020, hoàn tất giai đoạn 1 đến hết năm 2020
- Giai đoạn 2 dự kiến triển khai cuối quý 4/2023 và hoàn tất vào đầu quý 1/2024
- Các khoản đầu tư sẽ được triển khai đúng qui định của pháp luật

### VI. Kiến nghị:

- Để tạo điều kiện phát triển cho Công ty CP XNK Sa Giang nay Hội đồng quản trị Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định cho đầu tư trong năm 2020 để tăng sản lượng sản phẩm từ gạo, góp phần chuyển dịch cơ cấu sản phẩm, tăng doanh thu, lợi nhuận và mang lại lợi ích cho cổ đông

- Chấp thuận cho công ty thành lập Xí nghiệp Thực Phẩm để hưởng mức ưu đãi từ đầu tư mở rộng (2 năm đầu miễn 100% thuế thu nhập doanh nghiệp, 4 năm tiếp theo hưởng ưu đãi 50% thuế thu nhập doanh nghiệp).

- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề liên quan đến việc đầu tư Nhà máy chế biến thực phẩm công suất 6.000 tấn/năm, bao gồm:

+ Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để thực hiện việc mua nhà máy của Công ty CP CNSH Tân Việt Đồng Tháp.

+ Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để thành lập Xí nghiệp thực phẩm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



**PHỤ LỤC 1: HIỆU QUẢ KINH DOANH CỦA DỰ ÁN***(kèm theo tờ trình số 02/2020/TTr.HĐQT đầu tư nhà máy thực phẩm ngày 14/04/2020 của HĐQT Công ty)***a. Biểu sản lượng, doanh thu và hiệu quả:***ĐVT: Triệu đồng*

Stt	DIỄN GIẢI	NĂM								
		2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029
	Sản lượng (tấn)	1,000	1,500	2,000	2,500	3,000	3,500	4,000	4,500	5,000
	Đơn giá (triệu/tấn)	37.60	37.60	37.60	38.78	38.78	38.78	38.78	38.78	38.78
<b>1</b>	<b>DOANH THU</b>	<b>37,600</b>	<b>56,400</b>	<b>75,200</b>	<b>96,938</b>	<b>116,325</b>	<b>135,713</b>	<b>155,100</b>	<b>174,488</b>	<b>193,875</b>
<b>a</b>	<b>BIẾN PHÍ</b>	<b>30,001</b>	<b>45,002</b>	<b>60,002</b>	<b>77,347</b>	<b>92,816</b>	<b>108,285</b>	<b>123,754</b>	<b>139,223</b>	<b>154,693</b>
	Giá vốn	29,704	44,556	59,408	76,581	91,897	107,213	122,529	137,845	153,161
	Chi phí tài chính khác	297	446	594	766	919	1,072	1,225	1,378	1,532
<b>b</b>	<b>ĐỊNH PHÍ</b>	<b>852</b>	<b>1,228</b>	<b>1,604</b>	<b>3,978</b>	<b>4,753</b>	<b>5,529</b>	<b>6,304</b>	<b>8,824</b>	<b>9,794</b>
	Chi phí bán hàng	376	564	752	1,939	2,327	2,714	3,102	3,490	3,877.50
	Chi phí quản lý	376	564	752	1,939	2,327	2,714	3,102	5,235	5,816
	Chi phí sd hạ tầng	100	100	100	100	100	100	100	100	100
<b>2</b>	<b>TỔNG CHI PHÍ SẢN XUẤT (a+b)</b>	<b>30,853</b>	<b>46,230</b>	<b>61,606</b>	<b>81,324</b>	<b>97,569</b>	<b>113,814</b>	<b>130,058</b>	<b>148,048</b>	<b>164,486</b>
<b>3</b>	<b>LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG (1) – (2)</b>	<b>6,747</b>	<b>10,170</b>	<b>13,594</b>	<b>15,613</b>	<b>18,756</b>	<b>21,899</b>	<b>25,042</b>	<b>26,440</b>	<b>29,389</b>
<b>c</b>	<b>KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>	1,963	1,963	1,963	2,947	2,947	2,947	2,947	2,947	2,947
<b>d</b>	<b>LÃI VAY CỐ ĐỊNH</b>	700	1,050	1,400	1,750	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100
<b>4</b>	<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (3) – (c) - (d)</b>	4,084	7,157	10,231	10,916	13,709	16,852	19,994	21,392	24,341
<b>e</b>	<b>THUẾ TNDN (*)</b>	-	-	1,023	1,092	1,371	1,685	3,999	4,278	4,868
<b>5</b>	<b>LÃI SAU THUẾ (4) – (e)</b>	<b>4,084</b>	<b>7,157</b>	<b>9,207</b>	<b>9,824</b>	<b>12,338</b>	<b>15,166</b>	<b>15,996</b>	<b>17,114</b>	<b>19,473</b>

a. Biểu sản lượng, doanh thu và hiệu quả: (tiếp theo)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	DIỄN GIẢI	NĂM								
		2030	2031	2032-2034	2035	2036-2037	2038	2039	2040	2041-2052
	Sản lượng (tấn)	5,500	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000
	Đơn giá (triệu/tấn)	38.78	38.78	38.78	38.78	38.78	38.78	38.78	38.78	38.78
<b>1</b>	<b>DOANH THU</b>	<b>213,263</b>	<b>232,650</b>	<b>232,650</b>	<b>232,650</b>	<b>232,650</b>	<b>232,650</b>	<b>232,650</b>	<b>232,650</b>	<b>232,650</b>
<b>a</b>	<b>BIẾN PHÍ</b>	<b>170,162</b>	<b>185,632</b>	<b>185,632</b>	<b>185,632</b>	<b>185,632</b>	<b>185,632</b>	<b>185,632</b>	<b>185,632</b>	<b>185,632</b>
	Giá vốn	168,477	183,794	183,794	183,794	183,794	183,794	183,794	183,794	183,794
	Chi phí tài chính khác	1,685	1,838	1,838	1,838	1,838	1,838	1,838	1,838	1,838
<b>b</b>	<b>ĐỊNH PHÍ</b>	<b>10,763</b>	<b>11,733</b>	<b>11,733</b>	<b>11,733</b>	<b>11,733</b>	<b>11,733</b>	<b>11,733</b>	<b>11,733</b>	<b>11,733</b>
	Chi phí bán hàng	4,265	4,653	4,653	4,653	4,653	4,653	4,653	4,653	4,653
	Chi phí quản lý	6,398	6,980	6,980	6,980	6,980	6,980	6,980	6,980	6,980
	Chi phí sd hạ tầng	100	100	100	100	100	100	100	100	100
<b>2</b>	<b>TỔNG CHI PHÍ SẢN XUẤT (a+b)</b>	<b>180,925</b>	<b>197,364</b>	<b>197,364</b>	<b>197,364</b>	<b>197,364</b>	<b>197,364</b>	<b>197,364</b>	<b>197,364</b>	<b>197,364</b>
<b>3</b>	<b>LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG (1) – (2)</b>	<b>32,338</b>	<b>35,286</b>	<b>35,286</b>	<b>35,286</b>	<b>35,286</b>	<b>35,286</b>	<b>35,286</b>	<b>35,286</b>	<b>35,286</b>
<b>c</b>	<b>KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>	2,947	2,947	3,298	2,493	2,171	829	59	34	
<b>d</b>	<b>LÃI VAY CỐ ĐỊNH</b>	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100
<b>4</b>	<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (3) – (c) – (d)</b>	27,290	30,238	29,887	30,693	31,015	32,356	33,127	33,152	33,186
<b>e</b>	<b>THUẾ TNDN (*)</b>	5,458	6,048	5,977	6,139	6,203	6,471	6,625	6,630	6,637
<b>5</b>	<b>LÃI SAU THUẾ (4) – (e)</b>	<b>21,832</b>	<b>24,191</b>	<b>23,910</b>	<b>24,554</b>	<b>24,812</b>	<b>25,885</b>	<b>26,501</b>	<b>26,522</b>	<b>26,548</b>

\* Chính sách ưu đãi đầu tư mở rộng: 2 năm đầu miễn 100% thuế TNDN, 4 năm tiếp theo hưởng ưu đãi 50% thuế TNDN

**b. Biểu dòng tiền của dự án:**

*ĐVT: Triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	NĂM										
		2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031
1	Lợi nhuận ròng	4,084	7,157	9,207	9,824	12,338	15,166	15,996	17,114	19,473	21,832	24,191
2	Khấu hao cơ bản	1,963	1,963	1,963	2,947	2,947	2,947	2,947	2,947	2,947	2,947	2,947
3	Lãi vay	700	1,050	1,400	1,750	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100
4	Các khoản phải thu	4,700	7,050	9,400	12,117	14,541	16,965	19,388	21,811	24,234	26,658	29,081
5	Tăng, giảm các khoản phải thu	4,700	2,350	2,350	2,717	2,423	2,423	2,423	2,423	2,423	2,423	2,423
6	Hàng tồn kho	4,243	6,365.14	8,486.86	10,940	13,128	15,316	17,504	19,692	21,880	24,068	26,256
7	Tăng, giảm hàng tồn kho	4,243	2,122	2,122	2,453	2,188	2,188	2,188	2,188	2,188	2,188	2,188
8	Các khoản phải trả	(7,426)	(11,139)	(14,852)	(19,145)	(22,974)	(26,803)	(30,632)	(34,461)	(38,290)	(42,119)	(45,949)
9	Tăng, giảm các khoản phải trả	(7,426)	(3,713)	(3,713)	(4,293)	(3,829)	(3,829)	(3,829)	(3,829)	(3,829)	(3,829)	(3,829)
10	Tăng, giảm vốn lưu động (5)+(7)+(9)	1,517	759	759	877	782	782	782	782	782	782	782
11	Bán thanh lý tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	<b>Dòng tiền của dự án (1)+(2)+(3)-(10)+(11)</b>	<b>5,230</b>	<b>9,412</b>	<b>11,812</b>	<b>13,644</b>	<b>16,603</b>	<b>19,431</b>	<b>20,260</b>	<b>21,379</b>	<b>23,738</b>	<b>26,097</b>	<b>28,456</b>

**b. Biểu dòng tiền của dự án: (tiếp theo)**

**ĐVT: Triệu đồng**

Stt	Chỉ tiêu	NĂM										
		2032	2033	2034	2035	2036	2037	2038	2039	2040	2041-2051	2052
1	Lợi nhuận ròng	23,910	23,910	23,910	24,554	24,812	24,812	25,885	26,501	26,522	26,548	26,548
2	Khấu hao cơ bản	3,298	3,298	3,298	2,493	2,171	2,171	829	59	34	-	-
3	Lãi vay	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100
4	Các khoản phải thu	29,081	29,081	29,081	29,081	29,081	29,081	29,081	29,081	29,081	29,081	29,081
5	Tăng, giảm các khoản phải thu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Hàng tồn kho	26,256	26,256	26,256	26,256	26,256	26,256	26,256	26,256	26,256	26,256	26,256
7	Tăng, giảm hàng tồn kho	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Các khoản phải trả	(45,949)	(45,949)	(45,949)	(45,949)	(45,949)	(45,949)	(45,949)	(45,949)	(45,949)	(45,949)	(45,949)
9	Tăng, giảm các khoản phải trả	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Tăng, giảm vốn lưu động (5)+(7)+(9)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Bán thanh lý tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000
	<b>Dòng tiền của dự án (1)+(2)+(3)-(10)+(11)</b>	<b>29,308</b>	<b>29,308</b>	<b>29,308</b>	<b>29,147</b>	<b>29,083</b>	<b>29,083</b>	<b>28,814</b>	<b>28,660</b>	<b>28,655</b>	<b>28,648</b>	<b>31,648</b>

**c. Biểu thời gian hòa vốn của dự án:**

*ĐVT: Triệu đồng*

Năm	Vốn đầu tư ban đầu	Dòng tiền của dự án	Hệ số chiết khấu	Hoàn vốn có CK (NPV)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=[(3)-(2)]x(4)
Năm 2020	33,111.56	-	1.00	(33,112)
Năm 2021		5,230	0.892857	4,669
Năm 2022		9,412	0.797194	7,503
Năm 2023	14,295.85	11,812	0.711780	(1,768)
Năm 2024		13,644	0.635518	8,671
Năm 2025		16,603	0.567427	9,421
Năm 2026		19,431	0.506631	9,844
Năm 2027		20,260	0.452349	9,165
Năm 2028		21,379	0.403883	8,635
Năm 2029		23,738	0.360610	8,560
Năm 2030		26,097	0.321973	8,403
Năm 2031		28,456	0.287476	8,180
Năm 2032		29,308	0.256675	7,523
Năm 2033		29,308	0.229174	6,717
Năm 2034		29,308	0.204620	5,997
Năm 2035		29,147	0.182696	5,325
Năm 2036		29,083	0.163122	4,744
Năm 2037		29,083	0.145644	4,236
Năm 2038		28,814	0.130040	3,747
Năm 2039		28,660	0.116107	3,328
Năm 2040		28,655	0.103667	2,971
Năm 2041		28,648	0.092560	2,652
Năm 2042		28,648	0.082643	2,368
Năm 2043		28,648	0.073788	2,114
Năm 2044		28,648	0.065882	1,887
Năm 2045		28,648	0.058823	1,685
Năm 2046		28,648	0.052521	1,505
Năm 2047		28,648	0.046894	1,343
Năm 2048		28,648	0.041869	1,199
Năm 2049		28,648	0.037383	1,071
Năm 2050		28,648	0.033378	956
Năm 2051		28,648	0.029802	854
Năm 2052		31,648	0.026609	842
<b>Tổng cộng</b>		<b>804,209</b>		<b>111,234</b>

- Hiệu quả của dự án:

+ Hệ số chiết khấu: 12%

+ NPV (r=12%, n=32): 111,234 triệu đồng

+ IRR = 28.58 %

+ Thời gian hoàn vốn có chiết khấu tính từ năm 2021: 5 năm 5 tháng 19 ngày



**PHỤ LỤC 2: DANH MỤC NHÀ XƯỞNG, MÁY MÓC THIẾT BỊ GIA ĐOẠN 1**  
(kèm theo tờ trình số 02/2020/TTr.HĐQT đầu tư nhà máy thực phẩm ngày 14/04/2020 của HĐQT Công ty)

**1. Nhà xưởng, máy móc thiết bị mua của Công ty CP CNSH Tân Việt Đồng Tháp**

TÊN TÀI SẢN MUA	ĐVT	SỐ LƯỢNG	NGÀY SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ
Nhà bảo vệ DT 45.3m <sup>2</sup>	M2	45,3	09/01/2017	38,500,000
Nhà ở công nhân DT 547.2m <sup>2</sup>	M2	1	09/01/2017	264,000,000
Nhà điều hành DT 323.84m <sup>2</sup>	M2	1	09/01/2017	220,000,000
Nhà xưởng khung thép mái tôn DT 11.568m <sup>2</sup>	M2	1	09/01/2017	7,535,000,000
Nhà văn phòng DT 358 m <sup>2</sup>	M2	1	09/01/2017	302,500,000
Trạm biến áp 1.000 KV	Cái	1	09/01/2017	385,000,000
Trạm biến áp 560 KV	Cái	1	09/01/2017	253,000,000
Hệ thống đường điện từ trạm biến áp vào nhà xưởng	HT	1	09/01/2017	253,000,000
Hệ thống điện trong nhà xưởng	HT		07/01/2017	215,228,312
Tường rào bao quanh nhà xưởng	m	723,41	09/01/2017	550,000,000
Chi phí lắp dựng nhà xưởng			05/01/2017	527,400,000
Nền Nhà Xưởng			05/01/2017	2,311,490,000
Khung kèo thép			05/01/2017	2,011,620,000
Nâng nền Nhà Xưởng			08/01/2017	111,686,400
Hệ PCCC & chống sét	HT		08/01/2017	302,905,900
Hệ thống cấp nước PCCC	Ht			120,191,500
ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG-CTY BẢO HÙNG				120,615,000
Máy phô tô toshiba	Cái	1	04/01/2017	36,533,000
Trạm cân ô tô 1	Cái	1	05/01/2017	585,462,400
Chi phí di dời , sửa chữa trạm điện				140,649,000
Phòng làm việc	Cái	1	05/01/2017	427,081,000
<b>Tổng Cộng</b>				<b>16,711,862,512</b>

=> Tổng giá bán Công ty Tân Việt chào bán (chưa VAT): 17,000,000,000 đồng

**2. Máy móc thiết bị Công ty đầu tư thêm trong giai đoạn 1:**

<b>XÂY DỰNG CƠ BẢN, MÁY MÓC THIẾT BỊ</b>	<b>ĐVT</b>	<b>SỐ LƯỢNG</b>	<b>SỐ TIỀN</b>
Đóng la phong	m2	3.856	462,720,000
Bê tông đường nội bộ	m2	500	210,000,000
Lò hơi	cái	1	5,000,000,000
Hệ thống điện trong nhà xưởng	HT	1	300,000,000
Hệ thống cấp nước giai đoạn 1 (cho 3.856m2)		1	150,000,000
Máy tráng + Sấy dẻo	cái	2	2,400,000,000
Máy xay + Trộn + Bồn	bộ	2	200,000,000
Máy sấy vông phở , hủ tiếu	cái	2	3,000,000,000
Máy cắt phở, hủ tiếu,	cái	5	200,000,000
Hệ thống điều hòa không khí	HT	1	500,000,000
Máy đóng gói tự động	Cái	4	2,800,000,000
Nhà máy xử lý nước thải	Cái	1	1,800,000,000
Quạt công nghiệp	cái	40	100,000,000
Dụng cụ phụ trợ sản xuất	bộ	1	600,000,000
<b>Tổng cộng đầu tư thiết bị có VAT</b>			<b>17,722,720,000</b>
<i>Thuế VAT</i>			<i>1,611,156,364</i>
<b>Tổng đầu tư thiết bị giai đoạn một Chưa VAT</b>			<b>16,111,563,636</b>

**PHỤ LỤC 3: DANH MỤC NHÀ XƯỞNG, MÁY MÓC THIẾT BỊ GIA ĐOẠN 2**

(kèm theo tờ trình số 02/2020/TTr.HĐQT đầu tư nhà máy thực phẩm ngày 14/04/2020 của HĐQT Công ty)

<b>XÂY DỰNG CƠ BẢN, THIẾT BỊ</b>	<b>ĐVT</b>	<b>SỐ LƯỢNG</b>	<b>CHI PHÍ</b>
Hệ thống điện trong nhà xưởng (cho 7.712m2)	HT	1	600,000,000
Đóng la nhôm	m2	7.712	925,440,000
Hệ thống cấp nước giai đoạn 2 (cho 7.712m2)	m2	1	300,000,000
Máy tráng + Sấy dẻo	cái	4	4,800,000,000
Máy xay + Trộn + Bồn	bộ	4	400,000,000
Máy sấy vông phở	cái	4	6,000,000,000
Máy cắt phở, hủ tiếu,	cái	10	400,000,000
Hệ thống điều hòa không khí	HT	1	800,000,000
Máy đóng gói tự động	Cái	12	1,200,000,000
Quạt công nghiệp	cái	120	300,000,000
<b>Tổng chi phí thiết bị có VAT</b>			<b>15.725.440.000</b>
<i>Thuế VAT</i>			<i>1.429.585.455</i>
<b>Tổng chi phí thiết bị không có VAT</b>			<b>14.295.854.545</b>

Số: 01/2020/NQ-ĐHCD

Tp Sa Đéc, ngày ..... tháng .... năm 2020

**(Dự thảo kèm theo Phiếu lấy ý kiến cổ đông)**  
**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XNK SA GIANG**  
**(Theo thể thức lấy ý kiến bằng văn bản)**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, Luật chứng khoán bổ sung số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/TT-BTC ngày 06/6/2017 của Chính phủ và Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần XNK Sa Giang;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được lập ngày ....../....../2020. Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần XNK Sa Giang

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:** Thông qua Danh mục các ngành nghề kinh doanh bổ sung của Công ty và bổ sung khoản 1 Điều 4 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty nội dung tương ứng. Giao cho HĐQT, Ban giám đốc Công ty hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật.

*Tỷ lệ đồng ý: ..... % / Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết*

**Điều 2:** Thông qua đầu tư Nhà máy chế biến thực phẩm công suất 6.000 tấn/năm. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề liên quan đến việc đầu tư và thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật.

*Tỷ lệ đồng ý: ..... % / Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết*

**Điều 3:** Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**

**Nơi nhận:**

- UBCKNN, SGDCK Hà Nội;
- Các cổ đông Cty;
- Lưu VT, TKCT.

**LÊ ĐÌNH BỬU TRÍ**